

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Ban hành Quy định về báo cáo trong hoạt động khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Căn cứ Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi);

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về báo cáo trong hoạt động khoáng sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 549/QĐ-ĐCKS ngày 15 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản”.

Điều 3. Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Về báo cáo trong hoạt động khoáng sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2004/QĐ-BTNMT

ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về nội dung, chế độ báo cáo trong hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (sau đây gọi chung là hoạt động khoáng sản); trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản trong việc thực hiện chế độ báo cáo trong hoạt động khoáng sản.

2. Quy định này được áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 2. Báo cáo trong hoạt động khoáng sản

Báo cáo trong hoạt động khoáng sản được thực hiện theo các Mẫu ban hành kèm theo Quy định này:

- Báo cáo về hoạt động khảo sát (thăm dò) khoáng sản thực hiện theo Mẫu số 01;
- Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện theo Mẫu số 02; đối với nước khoáng (nước nóng) thiên nhiên thực hiện theo Mẫu số 03;

3. Báo cáo về hoạt động chế biến khoáng sản thực hiện theo Mẫu số 04;

4. Báo cáo về hoạt động khoáng sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo Mẫu số 05;

5. Báo cáo về hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước thực hiện theo Mẫu số 05, Mẫu số 06 và Mẫu số 07.

Điều 3. Chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo trong hoạt động khoáng sản

1. Báo cáo trong hoạt động khoáng sản được nộp theo định kỳ sáu (06) tháng và một (01) năm. Định kỳ sáu (06) tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của năm báo cáo. Định kỳ một (01) năm được tính từ 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo nêu trên, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động khoáng sản.

2. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo trong hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm lập báo cáo theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Quy định này và chậm nhất là sau năm (05) ngày của kỳ báo cáo phải nộp báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi được phép hoạt động khoáng sản. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản theo giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Tài nguyên và Môi trường, còn phải nộp cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy định này và chậm nhất sau mười lăm (15) ngày của kỳ báo cáo có trách nhiệm nộp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

c) Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy định này nộp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chậm nhất sau ba mươi (30) ngày của kỳ báo cáo.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lập và nộp báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin nêu trong báo cáo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phải kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.

Ồ CHÚC ĐƯỢC PHÉP HOẠT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ĐỒNG KHOÁNG SẢN) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...../.....

....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi :

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT (THĂM DÒ) KHOÁNG SẢN

I- Phần chung:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát (thăm dò):

2. Địa chỉ cơ quan:

Điện thoại:; Fax:;

3. Số giấy phép:..... ngày... tháng.... năm.....;

Thời hạn giấy phép:tháng (năm);

4. Loại khoáng sản được phép khảo sát (thăm dò) :;.
5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;
6. Tên đề án khảo sát (thăm dò):

II- Khối lượng công tác khảo sát (thăm dò) và chi phí đã thực hiện trong 06 tháng (01 năm), từ ngày..... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...

Loại công việc	Đơn vị tính	KHỐI LƯỢNG				CHI PHÍ			
		Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện cộng dồn	Còn lại	Theo đề án	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Thực hiện cộng dồn	Còn lại
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

III. Đề xuất, kiến nghị:

Tổ chức được phép hoạt động khoáng sản
(Ký tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 02

TỔ CHỨC ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...../....., ngày tháng năm 20....

Kính gửi :

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

I- Phần chung:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác:

2. Địa chỉ cơ quan:.....;

Điện thoại: ; Fax:

3. Số giấy phép:..... ngày..... tháng.... năm.....;

Thời hạn giấy phép: tháng (năm);

4. Loại khoáng sản được phép khai thác :

5. Vị trí: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;

6. Tổng số vốn đầu tư:(triệu đ);

7. Nguồn vốn:(Nếu có liên doanh với các đối tác trong nước hay nước ngoài, ghi rõ tên đối tác, nước nào, tỷ lệ góp vốn v.v...).

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trong 06 tháng (01 năm), từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

A. Hoạt động khai thác khoáng sản

1. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);

2. Công suất khai thác khoáng sản theo thiết kế:..... (kg, tấn, m³);

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế: (kg, tấn, m³);

4. Khối lượng sản phẩm sau chế biến : (kg, tấn, m³) (ghi rõ quặng tinh, than sạch, đá khối, đá tấm, đá học, đá dăm .v.v...);

5. Khối lượng sản phẩm đi kèm thu hồi được :(kg, tấn, m³) (ghi rõ loại khoáng sản đi kèm thu hồi được);

6. Giá thành khai thác:.....(đ, nghìn đ/kg, tấn, m³);

7. Tổng số cán bộ, công nhân viên:.....(người), trong đó số công nhân trực tiếp sản xuất:..... (người);

8. Trữ lượng khoáng sản còn lại (tại thời điểm báo cáo): (kg, tấn, m³);

9. Hệ số tổn thất theo thiết kế: %;

10. Hệ số tổn thất thực tế: %;

11. Khối lượng đã xuất khẩu (nếu có):(kg, tấn, m³);

12. Tổng doanh thu:(triệu đ);

13. Nộp ngân sách Nhà nước (ghi rõ từng khoản thuế): (triệu đ);

Trong đó Thuế Tài nguyên :(triệu đ).

B. Hoạt động chế biến khoáng sản

1. Khối lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến :..... (kg, tấn, m³);

2. Hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: (% , g/ tấn, m³);

3. Khối lượng sản phẩm sau chế biến (ghi rõ quặng tinh, than sạch, đá khối, đá tấm, đá học, đá dăm.v.v...) : (kg, tấn, m³);

4. Hàm lượng sản phẩm sau chế biến : (% , g / tấn, m³);

5. Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: (kg, tấn, m³)

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên:.....(người), trong đó số công nhân trực tiếp sản xuất:..... (người);

7. Hệ số tổn thất theo thiết kế: %;

Hệ số tổn thất thực tế: %;

8. Khối lượng đã xuất khẩu (nếu có): (kg, tấn, m³);

Thị trường xuất khẩu:

9. Giá thành chế biến:.....(đ, nghìn đ/ kg, tấn, m³);